ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3847/QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 06 tháng 12 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch phát triển hạ tầng mạng viễn thông tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 04/12/2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 99/2008/QĐ-TTg ngày 14/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số: 27/TTr-STTTT ngày 24 tháng 11 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển hạ tầng mạng viễn thông tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

I - Quan điểm phát triển

1. Phát triển hạ tầng mạng viễn thông ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

2. Phát triển hạ tầng mạng viễn thông đồng bộ, phù hợp với phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; thống nhất đồng bộ với xây dung, phát triển hạ tầng đô thị, điểm dân cư nông thôn, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

3. Bảo đảm phát triển hạ tầng viễn thông bền vững; thu hẹp khoảng cách phát triển viễn thông giữa các vùng, miền; đảm bảo mỹ quan đô thị, cảnh quan kiến trúc các công trình lịch sử, văn hóa; đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn chất lượng.

4. Phát triển hạ tầng mạng viễn thông gắn liền với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi doanh nghiệp tham gia thị trường, xây dung, phát triển hạ tầng mạng lưới; tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo lập thị trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động viễn thông; đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng mạng viễn thông.

II - Mục tiêu phát triển

1. Giai đoạn 2011 - 2015

- Hoàn thiện triển khai mạng thế hệ mới (NGN) trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng thông tin di động đạt khoảng 25%.

- Ngầm hóa 15 - 20% hạ tầng mạng ngoại vi hiện tại; đối với các dự án mới (tuyến đường mới, khu đô thị mới…) ngầm hóa 100% hạ tầng mạng ngoại vi.

- Phủ sóng 3G tới 100% khu dân cư.

- Cáp quang tới 100% trung tâm xã, cụm xã.

2. Giai đoạn 2016 - 2020

- Tỷ lệ sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng di động đạt khoảng 35%.

- Ngầm hóa 40 - 45% hạ tầng mạng ngoại vi hiện tại; đối với các dự án mới ngầm hóa 100% hạ tầng mạng ngoại vi.

- Cáp quang hóa 20 - 25% hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh.

- Số hóa truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất.

III - Nội dung Quy hoạch

1. Quy hoạch mạng chuyển mạch

Đối với các doanh nghiệp mới tham gia thị trường, thực hiện triển khai xây dung ngay hạ tầng mạng theo công nghệ NGN nhằm tránh đầu tư lãng phí và kịp thời đáp ứng được nhu cầu phát triển trong tương lai.

Đối với các doanh nghiệp hiện đang cung cấp dịch vụ trên địa bàn, triển khai từng bước chuyển sang mạng NGN. Mạng NGN sẽ được triển khai song song với mạng chuyển mạch kênh (TDM) hiện có và tiến tới loại bỏ hoàn toàn mạng TDM.

1.1. Giai đoạn 2011 - 2015

Triển khai xây dung lớp truy nhập mạng NGN. Cung cấp các dịch vụ gia tăng trên nền NGN cho các thuê bao thông qua các nút chuyển mạch lắp đặt mới theo công nghệ NGN.

1.2. Giai đoạn 2016 - 2020

- Thay thế hệ thống tổng đài chuyển mạch kênh bằng các thiết bị NGN.

- Lắp đặt nút chuyển mạch đa dịch vụ tại thành phố Việt Trì.

- Nâng cấp, bổ sung dung lượng mạng lưới đảm bảo đáp ứng nhu cầu người sử dụng.

- Cung cấp đa dịch vụ dựa trên hạ tầng mạng NGN: IPTV, Voice Conference, Video Conference, VoD, Mạng riêng ảo… cùng các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin khác.

2. Quy hoạch mạng truyền dẫn

- Phát triển tuyến truyền dẫn mới tới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới…

- Phát triển tuyến truyền dẫn trên các tuyến đường mới, tuyến đường trục (tuyến đường Hồ Chí Minh, tuyến Nội Bài - Lào Cai chạy qua địa bàn tỉnh,…).

- Phát triển tuyến truyền dẫn phục vụ cho các nút chuyển mạch đa dịch vụ mới lắp đặt.

- Phát triển tuyến truyền dẫn đến các khu du lịch, khu vực dịch vụ… phục vụ các nhu cầu về giải trí, thương mại, du lịch…

- Phát triển tuyến truyền dẫn đến các khu vực có lưu lượng cao, nhu cầu sử dụng lớn.

- Phát triển tuyến truyền dẫn nối vòng Ring giữa các huyện, thị, thành phố, đảm bảo an toàn thông tin.

2.1. Giai đoạn 2011 - 2015

Xây dựng một số tuyến truyền dẫn mới sau:

- Y Sơn (Hạ Hòa) - Ấm Hạ - Phương Viên - Ca Đình (Đoan Hùng) - Tây Cốc.

- Bằng Giã (Hạ Hòa) - Vô Tranh - Mỹ Lương (Yên Lập) - Lương Sơn - Xuân Viên.

- Lương Sơn (Yên Lập) - Phượng Vĩ (Cẩm Khê) - Thụy Liễu - Phương Xá.

- Thị trấn Yên Lập - Đồng Lạc - Minh Hòa - Ngọc Đồng - thị trấn Thanh Sơn.

- Cự Đồng - Hương Cần - Yên Lãng - Yên Sơn - Tinh Nhuệ (Thanh Sơn).

- Đại Phạm - Hà Lương - Gia Điền - Ấm Hạ - Cáo Điền - Yên Kỳ (Hạ Hòa).

- Xây dựng 1 số tuyến truyền dẫn Viba dự phòng: Việt Trì - Yên Lập, Việt Trì - Thanh Sơn, Việt Trì - Tân Sơn.

Cáp quang hóa các tuyến truyền dẫn nội hạt khu vực trung tâm các huyện (thị trấn Thanh Sơn, Yên Lập, Sông Thao…).

Triển khai xây dựng mạng truy nhập quang đến thuê bao, cụm thuê bao (FTTx: FTTH, FTTB…), đảm bảo đáp ứng phục vụ nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng rộng của người dân.

Xây dung mạng cáp quang đến trung tâm xã, với những xã có địa hình khó khăn, có thể kéo cáp quang đến trung tâm của cụm xã (bao gồm các xã lân cận).

2.2. Giai đoạn 2016 - 2020

Phát triển mạng truyền dẫn quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ.

Xây dựng, phát triển mạng truyền dẫn cáp quang đến thuê bao.

Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn: Tuyến truyền dẫn nội tỉnh 20Gbps, tuyến vòng Ring chính 100Gbps.

3. Quy hoạch mạng thông tin di động

3.1. Hạ tầng dùng chung

Phát triển hạ tầng mạng di động trên địa bàn tỉnh chủ yếu theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư và đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Quy hoạch 320 vùng phục vụ biểu thị là một hình tròn có tâm (kinh độ, vĩ độ) và bán kính R.

- Tại một vùng phục vụ này cấp phép tối đa 02 vị trí lắp đặt trạm.

- Mỗi vị trí sử dụng chung cho từ 2 - 4 doanh nghiệp.

- Tại một vùng phục vụ, mỗi doanh nghiệp không được phép lắp đặt quá 01 trạm tại một vị trí.

Kế hoạch phát triển hạ tầng dùng chung giai đoạn 2011 - 2020:

+ Giai đoạn 2011 - 2015: 150 x 2 = 300 vị trí trạm thu phát sóng.

+ Giai đoạn 2016 - 2020: 170 x 2 = 340 vị trí trạm thu phát sóng.

3.2. Hạ tầng dùng riêng

Quy hoạch quỹ các vị trí trạm thu phát sóng dùng riêng dành cho các doanh nghiệp hiện đang hoạt động nhằm tạo điều kiện chủ động cho các doanh nghiệp trong kinh doanh và tạo thêm quỹ các vị trí trạm thu phát sang cho doanh nghiệp xây dựng phát triển hạ tầng mạng lưới… Quy hoạch các vị trí trạm thu phát sóng dùng riêng theo nguyên tắc sau:

- Quy hoạch 65 vùng phục vụ biểu thị là một hình tròn có tâm (kinh độ, vĩ độ) và bán kính R.

- Tại một vùng phục vụ này có thể cấp phép tối đa 03 vị trí lắp đặt trạm.

- Mỗi doanh nghiệp được phép lắp đặt tối đa không quá 65 vị trí trạm trong quỹ vị trí trạm dùng riêng.

Kế hoạch phát triển hạ tầng dùng riêng giai đoạn 2011 - 2020:

- Giai đoạn 2011 - 2015: 120 vị trí trạm thu phát sóng.

- Giai đoạn 2016 - 2020: 75 vị trí trạm thu phát sóng.

3.3. Dự phòng quỹ vị trí cho doanh nghiệp phát triển mạng lưới ứng dụng công nghệ mới

Quy hoạch 300 vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động để đáp ứng xu hướng phát triển chung của công nghệ, khi mạng thông tin di động phát triển lên các thế hệ tiếp theo (4G), ứng dụng công nghệ truy nhập vô tuyến băng rộng tốc độ cao… Quỹ vị trí này chỉ được sử dụng khi các doanh nghiệp phát triển mạng lưới lên thế hệ tiếp theo, ứng dụng các công nghệ mới; mỗi doanh nghiệp không được phép lắp đặt quá 75 vị trí. Ngoài quỹ vị trí trên, các doanh nghiệp có thể lắp đặt và triển khai hạ tầng mạng 4G trên cơ sở sử dụng chung hạ tầng với mạng 2G, 3G hiện tại.

Kế hoạch phát triển hạ tầng 2011 - 2020:

- Giai đoạn 2011 - 2015: 100 vị trí trạm thu phát sóng.

- Giai đoạn 2016 - 2020: 200 vị trí trạm thu phát sóng.

3.4. Dự phòng quỹ vị trí cho doanh nghiệp mới tham gia thị trường

Dành cho các doanh nghiệp được cấp phép sau khi quy hoạch đã được ban hành. Quỹ vị trí trạm dự phòng dành cho 02 doanh nghiệp. Đến năm 2020, dự phòng 150 vị trí trạm thu phát sóng cho các doanh nghiệp mới, mỗi doanh nghiệp có không quá 75 vị trí trạm thu phát sóng. Khuyến khích các doanh nghiệp mới thỏa thuận, phối hợp sử dụng hạ tầng và thuê lại hạ tầng của các doanh nghiệp khác. Quỹ vị trí trạm dự phòng này không dành cho các doanh nghiệp đang hoạt động.

Kế hoạch phát triển hạ tầng 2011 - 2020:

- Giai đoạn 2011 - 2015: 90 vị trí trạm thu phát sóng.

- Giai đoạn 2016 - 2020: 60 vị trí trạm thu phát sóng.

4. Quy hoạch mạng ngoại vi

Triển khai thực hiện ngầm hòa mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh theo khu vực địa giới hành chính (ưu tiên thực hiện ngầm hóa tại các khu vực trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan).

Trên địa bàn các huyện, thị, thành phố quá trình ngầm hóa được thực hiện theo trình tự ưu tiên như sau:

- Khu vực trung tâm hành chính (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, thị xã, huyện; khu vực các Sở, ban, ngành); khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan.

- Khu vực các tuyến đường trục: Quốc lộ 2, Quốc lộ 32…

- Khu vực các tuyến nhánh: Tuyến đường, tuyến phố tại khu vực thành phố, thị xã, thị trấn.

- Khu vực các xã (khu vực các xã có điều kiện kinh tế xã hội phát triển, có các trục giao thông chạy qua).

Ngầm hóa mạng cáp truyền hình cáp đồng bộ với quá trình ngầm hóa mạng cáp viễn thông. Quá trình thực hiện ngầm hóa triển khai đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng

các ngành (giao thông, đô thị, xây dựng…) trên địa bàn mỗi khu vực. Ngầm hóa theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, các ngành.

Tại những khu vực chưa đủ điều kiện thực hiện ngầm hóa, tiến hành cải tạo hạ tầng mạng ngoại vi (buộc gọn hệ thống dây cáp…), đảm bảo mỹ quan đô thị.

Tại những khu vực xây dựng mới hạ tầng mạng ngoại vi (khu dân cư, khu đô thị mới, tuyến đường mới xây dựng…) thực hiện ngầm hóa toàn bộ hạ tầng mạng ngoại vi tới thuê bao, cụm thuê bao.

Tại những khu vực mạng ngoại vi đã được xây dựng từ trước: Thực hiện ngầm hóa mạng ngoại vi đến hệ thống tủ cáp trên các tuyến đường, tuyến phố, khu dân cư (ngầm hóa tới thuê bao tại các khu vực trung tâm, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan), cải tạo hệ thống mạng ngoại vi đảm bảo mỹ quan đô thị.

Khu vực nông thôn: Cải tạo mạng ngoại vi, rút ngắn cự ly cáp phục vụ, ngầm hóa mạng ngoại vi trên các tuyến truyền dẫn chính, tuyến đường trục, khu vực có yêu cầu về mỹ quan.

Triển khai cáp quang hóa hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh: Cáp quang hóa tại các khu vực trung tâm, đàm phán với doanh nghiệp đã thực hiện ngầm hóa để thuê hạ tầng.

5. Quy hoạch mạng Internet

5.1. Giai đoạn 2011 - 2015

Lắp đặt bổ sung thiết bị truy nhập (DSLAM, HUB…) đến khu vực các xã trên địa bàn các huyện (Yên Lập, Hạ Hòa, Thanh Sơn, Tân Sơn…), đảm bảo nhu cầu phát triển thuê bao, cung cấp dịch vụ Internet băng rộng tới mọi người dân trên địa bàn toàn tỉnh.

Triển khai cung cấp dịch vụ Internet băng rộng tới trường học, hỗ trợ phát triển giáo dục.

Cung cấp dịch vụ Internet băng rộng tới khu vực nông thôn (khu vực các xã), phục vụ phát triển kinh tế nông thôn và nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới.

Mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ truy nhập Internet tốc độ cao bằng cáp quang đến thuê bao (FTTx: FTTH, FTTB…).

5.2. Giai đoạn 2016 - 2020

Cung cấp dịch vụ truy nhập Internet tốc độ cao bằng cáp quang đến thuê bao (FTTx: FTTH, FTTB…) trên địa bàn toàn tỉnh.

Phát triển mạng vô tuyến băng rộng: Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, chất lượng cuộc sống người dân, hỗ trợ phát triển du lịch, giáo dục, y tế…

6. Quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình

Duy trì phương thức phát sóng đa dạng: Truyền dẫn phát sóng Analog, truyền dẫn phát sóng trên mạng lưới truyền hình cáp, truyền dẫn phát sóng trên mạng Internet, truyền dẫn phát sóng trên vệ tinh.

Đối với phương thức truyền dẫn phát sóng Analog: Giai đoạn 2011 - 2015 duy trì phương thức truyền dẫn phát sóng Analog. Đến năm 2020, cơ bản ngừng phát sóng theo phương thức này.

6.1. Lộ trình số hóa truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất

- Giai đoạn 2011 - 2015:

Hoàn thành việc phát triển mạng truyền dẫn phát sóng truyền hình tương tự. Ngoài ra, điều chỉnh công suất đối với các máy phát hiện có hoặc đầu tư thêm các máy phát có công suất phù hợp nhằm đạt mục tiêu phủ sóng đã đề ra đến 2015, không gây can nhiễu cho các hệ thống thông tin vô tuyến điện khác.

Phối hợp với các đơn vị được cấp phép xây dựng hạ tầng truyền dẫn phát sóng tại tỉnh, triển khai đầu tư hệ thống truyền dẫn phát sóng số lần lượt theo từng vùng như sau: Khu vực ưu tiên là khu vực thành phố, sau đến trung tâm các huyện, khu vực cửa khẩu, khu tập trung dân cư và cuối cùng là các khu vực còn lại.

Nghiên cứu, xây dựng chính sách, biện pháp và lộ trình chuyển đổi sang truyền hình số mặt đất, nhập khẩu máy phát hình, máy thu hình công nghệ số phù hợp.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thiết lập hạ tầng mạng truyền dẫn phát sóng Phát thanh truyền hình số; đầu tư, thực hiện phát sóng số tại khu vực trung tâm thành phố và trung tâm các huyện trong tỉnh.

Ở các khu vực còn lại vẫn tiếp tục phát sóng truyền hình tương tự song song với truyền hình số mặt đất.

Từng bước chuyển toàn bộ các chương trình truyền hình sang truyền tải trên hạ tầng truyền dẫn phát sóng truyền hình số mặt đất, cơ bản ngừng việc phát sóng truyền hình công nghệ tương tự vào năm 2020.

6.2. Phương thức truyền dẫn phát sóng trên mạng Internet

Đến năm 2015, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh chuyển tải tất cả các chương trình truyền hình của đài lên trang thông tin điện từ của Đài.

Đến năm 2020, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh sẽ phát trực tiếp các chương trình của Đài trên mạng Internet.

6.3. Phương thức truyền dẫn phát sóng bằng cáp hữu tuyến

Mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ truyền hình cáp đến trung tâm các huyện trong toàn tỉnh.

Từng bước hạ ngầm cáp truyền hình, hạn chế tình trạng cáp treo, gây ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị. Ưu tiên thực hiện ngầm hóa trên các tuyến đường trục, các khu vực có yêu cầu về mỹ quan. Quá trình ngầm hóa mạng cáp truyền hình, triển khai đồng bộ với quá trình ngầm hóa mạng cáp viễn thông và ngầm hóa của

các ngành khác. Giai đoạn 2011 - 2015 ngầm hóa mạng cáp tại khu vực thành phố Việt Trì; giai đoạn 2016 - 2020 ngầm hóa mạng cáp tại khu vực các huyện, thị.

6.4. Phương thức truyền dẫn phát sóng qua vệ tinh

- Giai đoạn 2011 - 2015: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp với một số Đài Phát thanh và Truyền hình địa phương khác, chia sẻ nội dung để thực hiện phát sóng trên vệ tinh.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát trực tiếp trên một kênh của vệ tinh.

7. Quy hoạch sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng hạ tầng mạng viễn thông chủ yếu dành cho việc xây dựng, lắp đặt mới các điểm chuyển mạch (mạng chuyển mạch) và các vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động (mạng thông tin di động). Hạ tầng mạng truyền dẫn, mạng ngoại vi, mạng Internet chủ yếu được xây dựng, lắp đặt trên các công trình đã được xây dựng hoặc kết hợp với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Quỹ đất xây dựng thống tổng đài: Nhu cầu sử dụng đất với mỗi điểm chuyển mạch lắp đặt mới khoảng 150m^2. Giai đoạn 2011 - 2015, phát triển mới 40 điểm chuyển mạch, nhu cầu sử dụng đất khoảng 6.000m^2; giai đoạn 2016 - 2020 phát triển mới 50 điểm chuyển mạch, nhu cầu sử dụng đất khoảng 7.500m^2.

Quỹ đất xây dựng hệ thống trạm thu phát sóng: Đối với các vị trí trạm thu phát sóng loại 1, lắp đặt mới, nhu cầu sử dụng mỗi vị trí khoảng 250m^2/vị trí. Giai đoạn 2011 - 2015, phát triển mới 610 vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động, trong đó khoảng 20% số vị trí là các trạm thu phát sóng loại 1 (120 vị trí). Như vậy đến năm 2015, cần khoảng 30.000m^2 đất, dành cho việc phát triển các vị trí trạm phát sóng di động mới. Giai đoạn 2016 - 2020 phát triển mới 675 vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động, trong đó số vị trí các trạm thu phát sóng loại 1 là khoảng 70 vị trí, do vậy nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 17.500m^2. Đối với các vị trí trạm thu phát sóng loại 2, do được lắp đặt trên các công trình đã được xây dựng, nên không có nhu cầu về sử dụng đất.

7. Giải pháp thực hiện

7.1. Giải pháp về cơ chế chính sách

Ban hành các quy định, quy chế về xây dựng và ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh; quy định về cấp phép xây dựng trạm thu phát sóng thông tin di động.

Ban hành các quy định, quy chế về sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; phối hợp giữa các ngành trong việc triển khai thực hiện ngầm hóa.

Ban hành cơ chế ưu đãi, tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông tại các khu vực điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn.

Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng mạng viễn thông theo hình thức xã hội hóa.

Ban hành các quy định về khung giá, phương pháp tính giá cho thuê hạ tầng viễn thông.

Ban hành các quy định về dành quỹ đất xây dựng hạ tầng viễn thông trong quá trình xây dựng hạ tầng giao thông, đô thị.

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi doanh nghiệp tham gia thị trường một cách bình đẳng. Tạo lập thị trường cạnh tranh, phát triển lành mạnh.

7.2. Giải pháp về quản lý Nhà nước

Quản lý, quy hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh theo định hướng các doanh nghiệp cùng đầu tư và sử dụng chung cơ sở hạ tầng.

Quản lý chặt chẽ việc xây dựng, phát triển hạ tầng hệ thống trạm thu phát sóng thông tin di động (quy định về cấp phép xây dựng, lắp đặt). Xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện.

Tuyên truyền phổ biến pháp luật, các quy định, chính sách về phát triển viễn thông nói chung và phát triển hạ tầng mạng viễn thông nói riêng; cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy hoạch, đầu tư, phát triển viễn thông hiệu quả, bền vững.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra các hoạt động xây dựng, phát triển hạ tầng mạng viễn thông tại địa phương. Xử lý nghiêm đối với các doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, vi phạm quy định việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông và ngầm hóa mạng ngoại vi viễn thông.

Tăng cường quản lý, giám sát chất lượng thiết bị, dịch vụ và công trình viễn thông đảm bảo quyền lợi người sử dụng.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước về viễn thông, đặc biệt là cán bộ đầu ngành, trình độ chuyên môn sâu.

Đối với mỗi một khu vực (tuyến đường, tuyến phố…), tỉnh thực hiện quy định cấp phép một lần về xây dựng ngầm hóa hạ tầng ngoại vi (cấp phép một lần cho nhiều doanh nghiệp) tránh sự phát triển chồng chéo giữa các doanh nghiệp.

7.3. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Nguồn vốn trong đầu tư, phát triển hạ tầng mạng viễn thông chủ yếu từ hai nguồn chính: Doanh nghiệp và ngân sách. Ngân sách Nhà nước đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội trên cơ sở đó doanh nghiệp xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông. Đối với hạ tầng mạng viễn thông phát triển riêng (hạ tầng xây dựng không dựa trên hạ tầng kinh tế - xã hội) nguồn vốn chủ yếu do doanh nghiệp đầu tư.

Huy động nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, xây dựng, phát triển hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp thông qua cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư phát triển và ưu đãi về thuế.

Huy động nguồn vốn đầu tư theo hình thức xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng các trạm thu phát sóng thông tin di động, hệ thống hạ tầng kỹ thuật mạng ngoại vi viễn thông và cho các doanh nghiệp viễn thông thuê lại hạ tầng.

Huy động nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng mạng viễn thông tại các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, nhu cầu sử dụng dịch vụ còn thấp; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

7.4. Giải pháp về khoa học và công nghệ

Ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ mới trong triển khai ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi: Kỹ thuật ngoan ngầm, khoan định hướng…

Sử dụng các trang, thiết bị kỹ thuật hiện đại, các công nghệ mới (như RFID…) để tăng cường đo kiểm, giám sát, quản lý từ xa đối với hệ thống thiết bị và hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng mạng viễn thông: Quản lý dựa trên bản đồ số; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử; phần mềm quản lý hạ tầng mạng viễn thông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông

Chịu trách nhiệm công bố, tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, sự phát triển của công nghệ và đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp.

Giám sát quá trình cùng đầu tư sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp.

Xây dựng và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế ưu đãi các doanh nghiệp, chủ động xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông xây dựng quy hoạch hạ tầng viễn thông tại địa phương của doanh nghiệp; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quản lý Nhà nước về quản lý và ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi, phát triển hạ tầng mạng thông tin di động.

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định, quy chế về sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông; quy định về xây dựng hạ tầng ngoại vi, hạ tầng mạng thông tin di động; các quy chế phối hợp xây dựng phát triển hạ tầng với các ngành điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, xây dựng.

2. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố; các doanh nghiệp viễn thông xây dung các chương trình,

đề án, quy định ngầm hóa mạng ngoại vi, quy định về việc xây dung hạ tầng mạng viễn thông phù hợp với kế hoạch của từng thời kỳ.

3. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố; xây dựng các quy định, hướng dẫn doanh nghiệp về xây dựng hạ tầng mạng ngoại vi, mạng truyền dẫn, hạ tầng mạng di động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cấp phép xây dựng hạ tầng mạng viễn thông theo quy hoạch.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Rà soát, bổ sung quy hoạch quỹ đất sử dụng cho phát triển hạ tầng mạng viễn thông đến năm 2020.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo, hạn chế tác động đến môi trường khi thực hiện quy hoạch. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý chặt chẽ quỹ đất theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu cải tạo, nâng cấp, phát triển hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được duyệt.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông quản lý tiêu chuẩn, chất lượng thiết bị và dịch vụ viễn thông.

6. Các sở, ban, ngành khác

Các sở, ngành khác phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Công ty Điện lực Phú Thọ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các chương trình, đề án, quy định ngầm hóa mạng ngoại vi, cải tạo hệ thống cáp treo viễn thông phù hợp với quy hoạch của từng thời kỳ.

8. Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố

Phối hợp với các cơ quan liên quan, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn quản lý.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, quản lý việc xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn; đảm bảo mỹ quan đô thị, đảm bảo cảnh quan kiến trúc.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan quản lý việc xây dựng ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi, cải tạo hệ thống cáp treo viễn thông trên địa bàn theo quy hoạch được duyệt.

9. Ủy ban nhân dân các huyện

Phối hợp với các cơ quan liên quan, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển

khai xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông tại các khu vực điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn…

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, quản lý việc xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp với ngành Thông tin và Truyền thông, quản lý việc xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đầu tư, xây dựng và phát triển viễn thông đến người dân trên địa bàn; giám sát việc thực hiện các quy định của Nhà nước về đầu tư, xây dựng hạ tầng mạng viễn thông của các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động viễn thông trên địa bàn.

11. Các doanh nghiệp tham gia hoạt động viễn thông

Căn cứ vào quy hoạch, xây dựng quy hoạch hạ tầng viễn thông tại địa phương của doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện theo đúng Quy hoạch đã phê duyệt.

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp khác, đàm phán cùng đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; chủ động phản ánh các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; đồng thời kiến nghị, đề xuất giải quyết hoặc hỗ trợ tháo gỡ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Giám đốc các doanh nghiệp tham gia hoạt động viễn thông; các đơn vị, tổ chức có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Kế San (Đã ký)